CTCP Sợi Thế Kỷ (HSX: STK)

FireAnt

Ngày 31/03/2024	33,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	18.1%	**31.4%**	**1.5%**

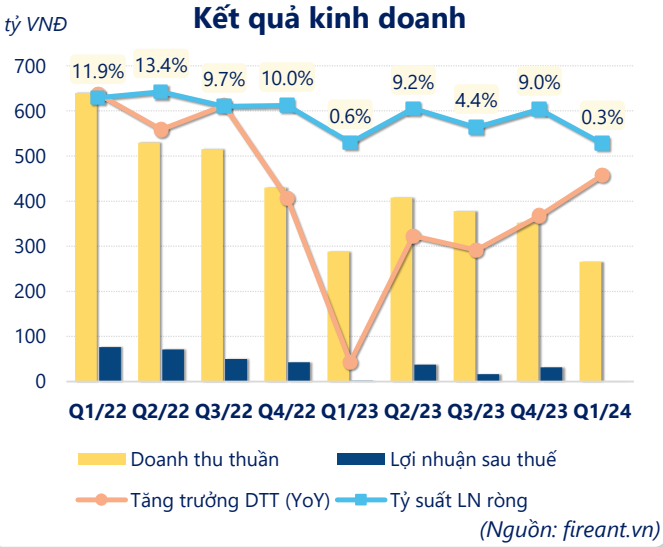
2023

ROE 5.5% +/- YoY ▼ 11.8%

	Q1/24	QoQ	YoY
DT thuần	266 tỷ VNĐ	▼ 86.0 ▼ 24.5%	▼ 22.0 ▼ 7.7%
LN gộp	32.3 tỷ VNĐ	▼ 25.6 ▼ 44.2%	▲ 14.4 ▲ 80.6%
LN thuần	1.06 tỷ VNĐ	▼ 32.5 ▼ 96.8%	▼ 1.62 ▼ 60.3%
LN sau thuế	0.71 tỷ VNĐ	▼ 30.9 ▼ 97.7%	▼ 0.92 ▼ 56.3%

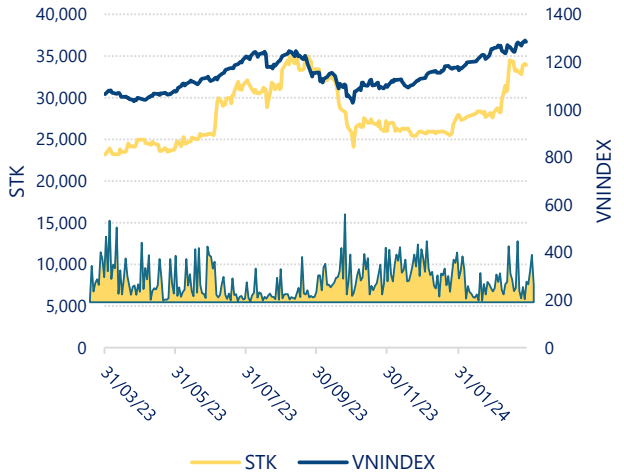
	2023	YoY
DT thuần	1,425 tỷ VNĐ	▼ 690 ▼ 32.6%
LN gộp	192 tỷ VNĐ	▼ 181 ▼ 48.5%
LN thuần	89.0 tỷ VNĐ	▼ 182 ▼ 67.1%
LN sau thuế	87.8 tỷ VNĐ	▼ 154 ▼ 63.8%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

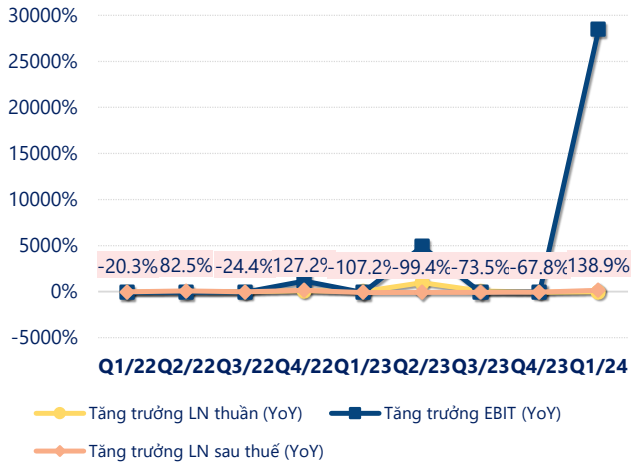
Lịch sử giá



CTCP Sợi Thế Kỷ (HSX: STK)

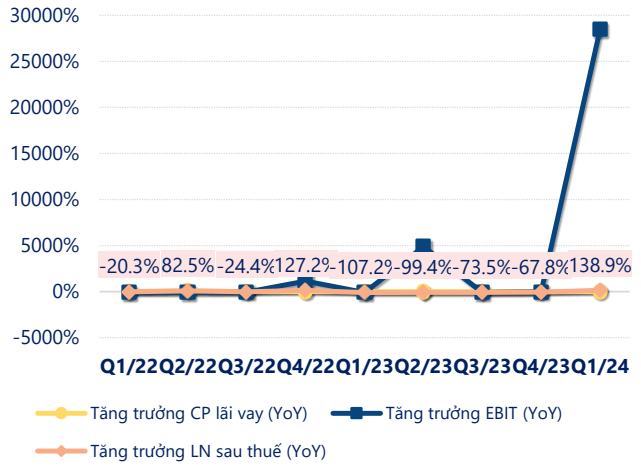
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



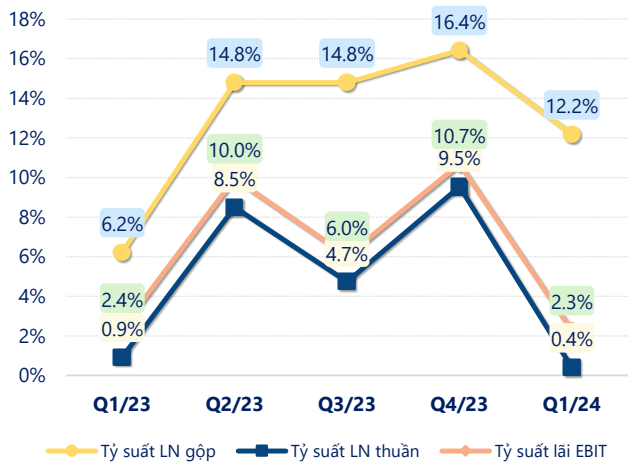
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



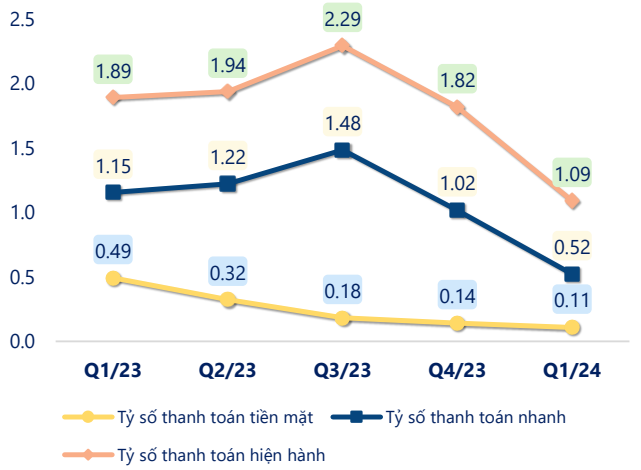
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



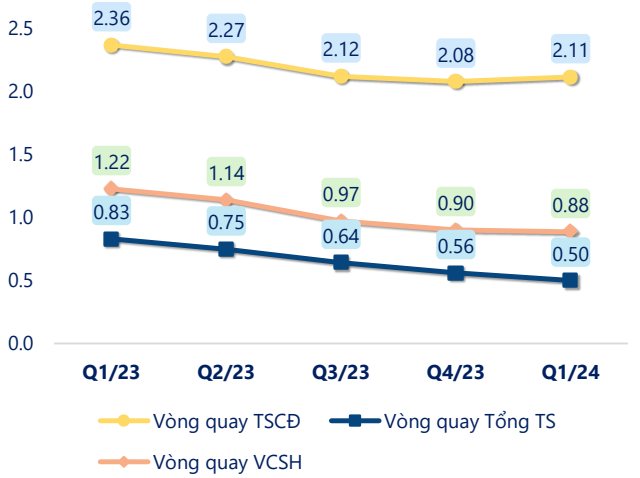
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



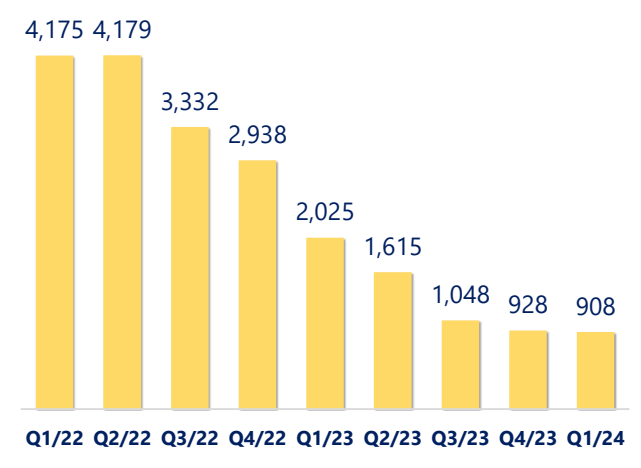
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

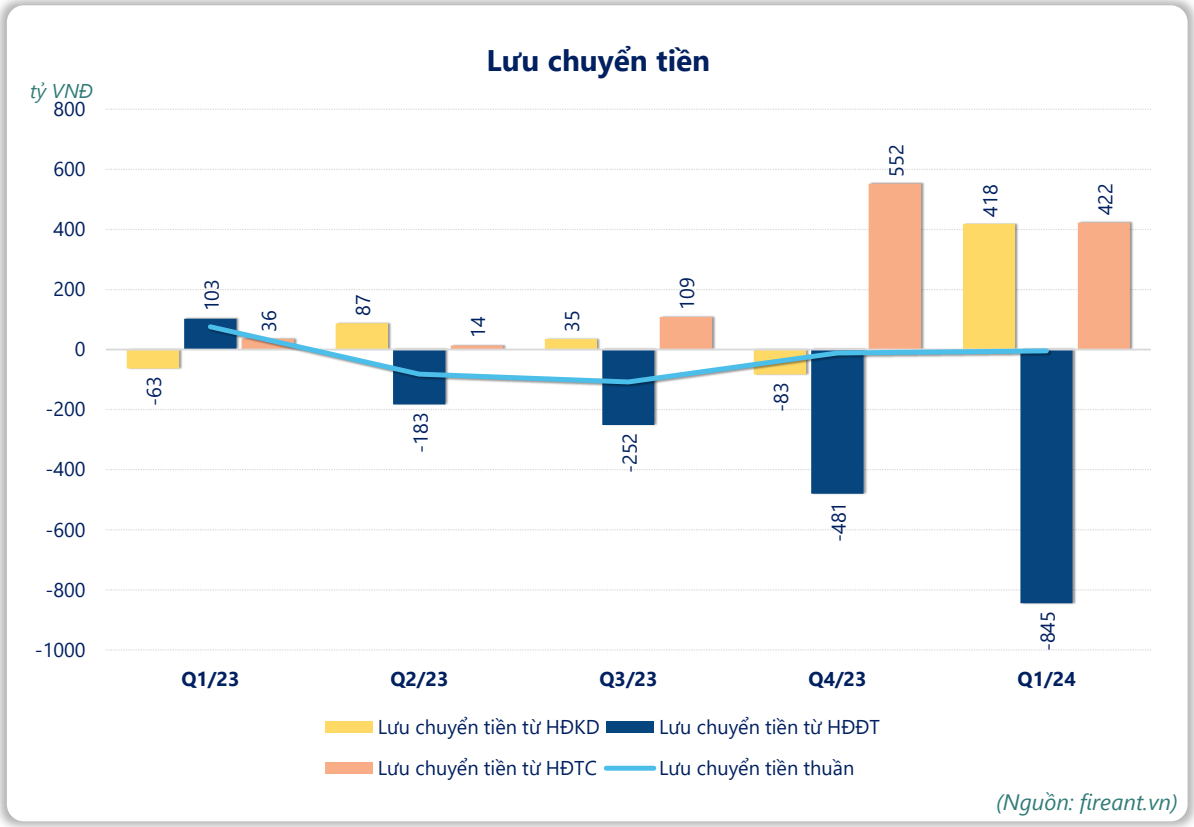


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sợi Thế Kỷ (HSX: STK)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**266**	**288**	**-7.7%**	**1,425**	**2,115**	**-32.6%**
Giá vốn hàng bán	233	270	-13.5%	1,233	1,741	-29.2%
Lợi nhuận gộp	32.3	17.9	80.6%	192	373	-48.5%
Doanh thu HĐTC	6.12	15.2	-59.7%	31.1	29.3	5.9%
Chi phí TC	17.7	13.0	36.4%	54.1	48.4	11.8%
Chi phí lãi vay	4.91	4.11	19.4%	17.3	9.13	89.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.62	3.27	71.8%	19.7	19.4	1.1%
Chi phí QLDN	**14.0**	**14.1**	**-0.4%**	**60.4**	**64.1**	**-5.7%**
LN thuần từ HĐKD	1.06	2.68	-60.3%	89.0	271	-67.1%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**0.14**	**-41.6%**	**2.02**	**-1.24**	**263%**
LN trước thuế	1.15	2.82	-59.4%	91.0	269	-66.2%
Lợi nhuận sau thuế	**0.71**	**1.63**	**-56.3%**	**87.8**	**242**	**-63.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.71**	**1.63**	**-56.3%**	**87.8**	**242**	**-63.8%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)